

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35 /2022/DS - PT

Ngày 31- 8 - 2022

“V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nam

Các Thẩm phán: Ông Phúc An Hoàn

Ông Hồ Thanh Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Ông Trần Công Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2022/DS – PT ngày 23 tháng 02 năm 2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS - ST, ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 16/2022/QĐ-PT, ngày 21 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Ông **Hứa Minh C**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Thôn C1, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Ông Hứa Quang V (tên gọi khác: Hứa Văn S), sinh năm: 1942;

Địa chỉ: Thôn C1, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Hứa Minh C.

(Ông T, ông C có mặt; bà N, ông V có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Năm 1993 bà và chồng bà là ông Nguyễn Văn T nhận chuyển nhượng 01 (một) diện tích đất thổ cư tại Thôn C1, xã Đ, huyện H của ông Hứa Quang V. Việc nhận chuyển nhượng có các hộ giáp ranh liền kề, đại diện thôn và đại diện UBND xã Đ xác nhận giấy tờ chuyển nhượng. Diện tích đất nhận chuyển nhượng có chiều rộng bám mặt đường Quốc lộ 2 hướng Tuyên Quang đi Hà Giang rộng 3,95m; chiều dài hướng Tây Bắc giáp đất thổ cư của ông Nguyễn Văn C1 = 41,5m; chiều ngang phía bên trong hướng Đông Bắc có chiều dài = 4m, giáp đất thổ cư của ông Nguyễn Văn C1; chiều hướng Đông Nam giáp đất thổ cư gia đình ông Hứa Quang V = 41,5m (có sơ đồ đo vẽ chi tiết thể hiện trong giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất).

Năm 2006 ông Hứa Minh C là con trai ông Hứa Quang V và ở cùng với ông V phá bỏ nhà cũ để xây nhà mới, nhưng khi xây dựng không mời cán bộ địa chính xã, đại diện thôn và gia đình bà đến xác định mốc giới, nên khi xây dựng có lấn sang phần đất nhà bà. Sau khi bà đề nghị thôn, xã giải quyết ngày 19/5/2018 cán bộ địa chính xã và đại diện thôn tiến hành đo đạc tại 02 điểm, cụ thể: Điểm 24,1m tính từ phía trong trở ra theo giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất rộng 3,95m, thực tế đo đạc chỉ còn 3,70m gia đình ông C đã xây quán lấn sang đất nhà bà là 0,25m; điểm thứ hai đo đạc tại mép rãnh Quốc lộ 2 thực tế rộng 3,5m theo hồ sơ chuyển nhượng là 3,95m thiếu hụt 0,45m. Tổng diện tích lấn chiếm là 4,90m². Do vậy bà yêu cầu ông C phải có nghĩa vụ trả lại cho bà phần diện tích đất lấn chiếm.

** Bị đơn ông Hứa Minh C trình bày:*

Năm 1993 bà Nguyễn Thị N nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của gia đình ông, khi chuyển nhượng có tiến hành đo đạc, làm hồ sơ và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Sau khi nhận chuyển nhượng gia đình bà N có xây quán bán hàng để cho người khác thuê, quán bán hàng của bà N giáp với quán bán hàng của gia đình ông đã có từ trước. Năm 2006 ông dỡ bỏ căn nhà cũ để xây nhà mới và quán bán hàng phía trước nhà. Việc xây lại nhà mới và quán bán hàng trên phần móng cũ và đúng diện tích đất của gia đình, quá trình xây dựng và sử dụng bà Nguyễn Thị N không có ý kiến gì. Công trình xây dựng trên diện tích đất tranh chấp là của ông C và ông V.

Năm 2016 bố ông là ông Hứa Quang V có kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quá trình hoàn thiện hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cơ quan địa chính đã tiến hành đo đạc, gia đình bà N là hộ liền kề có ký xác nhận không có ý kiến gì. Ngày 04/10/2016 UBND huyện H, tỉnh Tuyên Quang đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hứa Quang V (Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BX 599088).

Ông C xác định ông sử dụng diện tích đất đúng với diện tích đất đã được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không lấn chiếm diện tích

đất của bà N. Do vậy ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà N về việc yêu cầu ông tháo dỡ công trình xây dựng và trả lại $4,7m^2$ đất tại thửa số 384 tờ bản đồ số 53.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn T trình bày:

Năm 1993 gia đình ông có nhận chuyển nhượng 01 diện tích đất của ông Hứa Quang V (bố đẻ của ông C), thuộc thửa số 384 tờ bản đồ số 53, địa chỉ thửa đất tại Thôn C1, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Khi nhận chuyển nhượng các bên có lập giấy chuyển nhượng và vẽ sơ đồ diện tích đất chuyển nhượng. Trong đó chiều rộng phía ngoài bám mặt đường quốc lộ 2 là 3,95m, chiều rộng phía trong giáp đất nhà ông Nguyễn Văn C1 là 4m, chiều sâu là 41,5m. Diện tích đất nhận chuyển nhượng là đất trống, sau khi nhận chuyển nhượng gia đình ông cho một người ở thành phố Tuyên Quang thuê bán hàng thuốc tân dược (thuốc tây) được khoảng 06 tháng và sau đó để đất trống từ đó đến nay.

Ngày 04/10/2016 gia đình ông được UBND huyện H, tỉnh Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 599137 mang tên Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị N.

Năm 2006 ông Hứa Minh C là con đẻ của ông Hứa Quang V phá nhà cũ để làm nhà mới và xây một quán bán hàng ở phía giáp đường Quốc lộ 2c. Khi ông C phá bỏ nhà cũ để làm nhà mới do không để ý và ông C cũng không báo ông ra để xác định ranh giới, nên đã xây dựng lấn sang phần đất của ông và hiện tại ở vị trí khi chuyển nhượng chiều ngang là 3,95m nay chỉ còn 3,70m, chiều ngang bị thiếu hụt so với khi nhận chuyển nhượng là 0,25m. Lý do ông xác định ông C xây nhà và quán bán hàng lấn sang phần đất của gia đình ông, vì năm 2018 ông có ý định chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác, nên tiến hành đo đạc lại thì thấy thiếu hụt. Do vậy ông yêu cầu ông Hứa Minh C và Hứa Quang V phải phá dỡ công trình xây dựng và trả lại cho ông quyền sử dụng diện tích đất lấn chiếm theo kết quả đo đạc là $4,7m^2$, tại thửa số 384 tờ bản đồ số 53.

2. Ông Hứa Quang V trình bày:

Năm 1992 ông có chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị N một diện tích đất tiếp giáp với diện tích đất ông đang sử dụng. Trong đó chiều sâu tính từ tim đường vào đến hết phần đất phía sau là 41,5m; chiều ngang phía sau tiếp giáp với đất nhà ông C1 là 4m; chiều ngang phía trước ở vị trí tiếp giáp với đất ở và đất hành lang giao thông là 3,95m (tính từ góc nhà của ông V đến hàng rào bằng cây Găng nhà ông C1). Khi chuyển nhượng không xác định tổng diện tích và phía nhà ông có ngôi nhà xây, còn bên ngoài là quán xây. Năm 2006 gia đình ông dỡ bỏ nhà cũ xây ngôi nhà mới hiện tại có sử dụng một phần móng cũ phía ngoài và một phần móng mới, cùng thời điểm xây nhà ông cùng con trai là Hứa Minh C xây luôn quán bán hàng phía trước, khi xây quán không mời hộ liền kề đến để xác định ranh giới. Nay bà N khởi kiện yêu cầu ông C trả lại $4,7m^2$ đất ông không nhất trí với lý do diện tích đất bà N hiện tại chiều ngang phía trước vẫn đủ 3,95m như thời điểm chuyển nhượng.

Vụ án đã được Toà án nhân dân huyện H thụ lý, hoà giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS - ST, ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện H đã quyết định:

Áp dụng các Điều 26; 147; 157; 235; 266; 267; 271; 273 - Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 5, 12, 99, 100, 166, 202 và 203 Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N buộc ông Hứa Minh C và ông Hứa Quang V phải có nghĩa vụ tháo dỡ (di dời) công trình xây dựng + Kết cấu móng liên quan + Kết cấu đỡ mái liên quan và trả lại cho bà Nguyễn Thị N - Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn T quyền sử dụng 4,7m² đất tại thửa đất số 384, tờ bản đồ số 53, thuộc Thôn C1, xã Đ, huyện H được nối liền bởi các điểm 5, 6, 7, 8, 5 (có sơ đồ đo vẽ kèm theo không tách rời bản án).

Buộc ông Hứa Minh C phải hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng chi phí thẩm định là 2.839.000đồng (*Hai triệu tám trăm ba mươi chín nghìn đồng*).

Khoản tiền phải trả kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Hứa Minh C chậm trả thì phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/01/2022, Tòa án nhận được đơn kháng cáo bị đơn ông Hứa Minh C nội dung như sau: Ông Hứa Minh C kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST, ngày 05/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện H với lý do Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét chứng cứ không khách quan, không đúng quy định pháp luật, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của bà N là ông Nguyễn Văn T đồng thời Ông T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Ông bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không nhất trí với kháng cáo của ông Hứa Minh C. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2022/DS-ST, ngày 05/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện H.

Người kháng cáo bị đơn ông Hứa Minh C trình bày: Ông giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không nhất trí với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án để đảm bảo quyền và lợi ích cho bị đơn. Trong quá trình xét xử phúc thẩm ông Hứa Minh C có đơn đề nghị Hội đồng xét xử thẩm định lại.

Ngày 21/7/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ lại đối với hai thửa đất số 384 và 385, tờ bản đồ số 53, địa chỉ hai thửa đất tại Thôn C1, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, diện tích đất tranh

chấp sau khi thẩm định lại là 3,3m² (Có sơ đồ kèm theo). Sau khi công bố sơ đồ mảnh trích đo hiện trạng thửa đất các đương sự đều nhất trí với sơ đồ đo vẽ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn ông Hứa Minh C là hợp lệ, trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm từ khi thụ lý, giải quyết đã xác định không đúng tư cách đương sự trong vụ án, không đưa bà Trần Thị C2 (vợ ông Hứa Minh C) tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Trần Thị C2. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Hứa Minh C. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS - ST, ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Trả lại cho ông Hứa Minh C số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Hứa Minh C trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm, do đó đơn kháng cáo được công nhận là hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

Năm 1993 vợ chồng bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn T nhận chuyển nhượng 01 (một) diện tích đất thổ cư tại Thôn C1, xã Đ, huyện H của ông Hứa Quang V. Việc nhận chuyển nhượng có các hộ giáp ranh liền kề, đại diện thôn và đại diện Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận giấy tờ chuyển nhượng. Diện tích đất nhận chuyển nhượng có chiều rộng tám mét đường Quốc lộ 2 hướng Tuyên Quang đi Hà Giang rộng 3,95m; chiều dài hướng Tây Bắc giáp đất thổ cư của ông Nguyễn Văn C1 = 41,5m; chiều ngang phía bên trong hướng Đông Bắc có chiều dài = 4m, giáp đất thổ cư của ông Nguyễn Văn C1; chiều hướng Đông Nam giáp đất thổ cư gia đình ông Hứa Quang V = 41,5m. Đến ngày 04/10/2016 Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 599137 cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N. Đồng thời cũng

trong ngày 04/10/2016 Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 599088 cho ông Hứa Quang V.

Năm 2002 ông Hứa Minh C và bà Trần Thị C2 đăng ký kết hôn và sinh sống cùng ông Hứa Quang V, năm 2006 gia đình ông Hứa Minh C phá bỏ nhà cũ để xây nhà mới, nhưng khi xây dựng không mời cán bộ địa chính xã, đại diện thôn và vợ chồng bà N, Ông T đến xác định mốc giới, nên khi xây dựng có lấn sang phần đất nhà bà N, Ông T. Sau khi bà N, Ông T đề nghị thôn, xã giải quyết ngày 19/5/2018 cán bộ địa chính xã và đại diện thôn tiến hành đo đạc tại 02 điểm, cụ thể: Điểm 24,1m tính từ phía trong trở ra theo giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất rộng 3,95m, thực tế đo đạc chỉ còn 3,70m gia đình ông C đã xây quán lấn sang đất nhà bà là 0.25m; điểm thứ hai đo đạc tại mép rãnh Quốc lộ 2 thực tế rộng 3,5m theo hồ sơ chuyển nhượng là 3,95m thiếu hụt 0,45m. Tổng diện tích lấn chiếm là 4,90m². Do vậy bà N, Ông T yêu cầu ông C phải có nghĩa vụ trả lại cho bà N, Ông T phần diện tích đất lấn chiếm.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm từ khi thụ lý, giải quyết đã xác định không đúng tư cách đương sự trong vụ án và không đưa bà Trần Thị C2(vợ ông Hứa Minh C) tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Thực tế ông Hứa Quang V đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ngày 04/10/2016, vợ chồng ông Hứa Minh C, bà Trần Thị C2 là con trai và con dâu của ông V đăng ký kết hôn từ năm 2002 và sinh sống cùng nhà ông V. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Hứa Minh C là bị đơn, ông Hứa Quang V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và không đưa bà Trần Thị C2 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của các đương sự. Tại phiên tòa phúc thẩm không thể khắc phục được những thiếu sót nêu trên. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần huỷ toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm như ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang trình bày tại phiên tòa phúc thẩm.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Hứa Minh C. Huỷ toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS - ST, ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hứa Minh C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho ông Hứa Minh C số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Tại Biên lai thu số 0004637 ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác sẽ được xác định lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (Ngày 31/8/2022).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Đức Nam

